

Bản án số: 587/2021/HS-PT
Ngày 22 - 11 - 2021

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyên;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đào Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 1010/2020/TLPT-HS ngày 06/11/2020 do có kháng cáo của bị cáo Hoàng Minh A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

* *Bi cáo có kháng cáo:*

Hoàng Minh A, tên gọi khác: Không, sinh năm 1982 tại Cao Bằng;

Nơi đăng ký thường trú: Phố B, thị trấn B1, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Minh B2 (đã chết) và con bà Lê Thị B3, sinh năm 1952; có vợ là Lưu Lý Thị B4 và 02 con đều sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông Nguyễn Quang B5, Luật sư Công ty Luật TNHH B5, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Bà Trần Ngọc B6, Luật sư Văn phòng Luật sư B6, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng, có mặt.

** Những người làm chứng được Tòa án triệu tập:*

1. Hoàng Trung A1, sinh năm 1986;

Hộ khẩu thường trú: Thị trấn B1, huyện B, tỉnh Cao Bằng; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

2. Ngô Mạnh A2, sinh năm 1986;

Trú tại: Tổ 5, phường B7, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

3. Hoàng Thị B8, sinh năm 1992;

Trú tại: Bản B9, xã B10, huyện B, tỉnh Cao Bằng, vắng mặt.

4. Thẩm Hà B11, sinh năm 1979;

Trú tại: Phố B12, thị trấn B13, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

5. Chu Hoàng B14, sinh năm 1980;

Trú tại: Tổ 19 phường B15, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, vắng mặt.

6. Triệu Văn B16, sinh năm 1986;

Trú tại: Bản B17, xã B18, huyện B, tỉnh Cao Bằng, vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Lưu Lý Thị B4 không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

* *Người kháng cáo*: Hoàng Minh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại khu vực xóm B19, xã B20, huyện B, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Công an huyện B phối hợp với Đoàn biên phòng cửa khẩu Lý Vạn phát hiện Hoàng Trung A1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI HAYATE màu đỏ đen, biển kiểm soát 11B1- 013.12 đi từ hướng cửa khẩu về B19 có biểu hiện nghi vấn, khi tổ công tác ra tín hiệu dừng xe A1 đã lao thẳng xe vào tổ công tác nhưng bị không chế. Kiểm tra trong cốp xe mô tô phát hiện 04 khối hình chữ nhật A1 khai nhận là Heroine có tổng khối lượng là 1.416,85 gam, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hoàng Trung A1. Mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nhà ở của Hoàng Minh A phát hiện thu giữ 01 cục chất rắn màu đen có khối lượng 1,400 gam và 04 chiếc điện thoại di động các loại. Thời điểm này Hoàng Minh A đã bỏ trốn sang Trung Quốc, Cơ quan điều tra nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ra quyết định truy nã quốc tế đối với Hoàng Minh A. Ngày 29-10-2019, Công an Trung Quốc dẫn độ Hoàng Minh A qua cửa khẩu Hữu nghị tỉnh Lạng Sơn giao cho phía Việt Nam, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã phục hồi điều tra vụ án, bị can theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số: 27/GĐMT ngày 24/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: Chất bột màu trắng gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine”.

Tại Kết luận giám định số: 653/C54(TT2) ngày 06-02-2018 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Hàm lượng Heroine trong các mẫu kí hiệu 01, 02, 03, 04 gửi giám định lần lượt là 49,4%; 50,6%; 50,0%; 49,5%”.

Tại Kết luận giám định số: 647/C54(TT2) ngày 06-02-2018 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Mẫu cục chất rắn màu đen gửi giám định là ma túy có khối lượng 1,400 gam; loại: Morphine, Codeine, Heroine. Hàm lượng Morphine là 1,0%; hàm lượng Codeine là 0,3%; hàm lượng Heroine là 0,1%.

Kết quả điều tra đã xác định được: Hoàng Trung A1 và Hoàng Minh A cùng sinh sống tại thị trấn B1, huyện B, tỉnh Cao Bằng nên quen biết nhau. Sáng ngày 21-12-2017, A1 đang ở cửa khẩu Lý Vạn, huyện B, tỉnh Cao Bằng thì nhận được cuộc gọi của A từ số máy 0964.126.417 vào số máy 01662.988.941 của A1, A bảo A1 đi ra hướng thị trấn B1 để nhận ma túy. Khi đến khu vực xóm B21, xã B22, huyện B thì A1 gặp A đi xe mô tô màu nâu hướng ngược chiều, khi dừng xe A đưa cho A1 01 túi ni lon màu đen và dặn A1 ngày mai người Trung Quốc gọi điện thì mang vào Mốc 46 giao cho người đó, giao xong A quay xe về hướng thị trấn B1, còn A1 đi về hướng cửa khẩu Lý Vạn. Trên đường về cách cửa khẩu khoảng 03 km A1 mở túi ra xem thấy bên trong có 04 bánh Heroine, A1 giấu vào bụi cây ven đường. Chiều tối cùng ngày, A1 gọi điện cho A thì A cho A1 số điện thoại của người Trung Quốc sẽ nhận ma túy với A1 (01293.214.688), sau đó A1 đã gọi điện thoại giao dịch với người Trung Quốc bằng tiếng Tày - Nùng về việc giao nhận ma túy, người Trung Quốc hẹn với A1 thời gian, địa điểm giao ma túy là sáng 22-12-2017 tại Mốc 46 biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Sáng ngày 22-12-2017, A1 đi xe mô tô đến chỗ cất giấu ma túy hôm trước lấy 04 bánh Heroine cho vào cốp xe để mang vào Mốc 46 giao cho người Trung Quốc, khi đang trên đường đi thì bị tổ công tác phát hiện bắt giữ.

Quá trình điều tra, Hoàng Minh A không thừa nhận hành vi phạm tội mà chỉ khai nhận: Do làm ăn thua lỗ nợ tiền ngân hàng và một số doanh nghiệp với tổng số tiền khoảng 03 tỷ đồng, cuối năm các chủ nợ đòi nhiều nên A đã bỏ trốn sang Trung Quốc kiếm tiền để trả nợ và đã đi từ trước ngày Hoàng Trung A1 bị bắt, A khẳng định không được sử dụng số điện thoại 0964.092.417; 0964.126.417 mà trước khi bỏ trốn chỉ sử dụng hai số điện thoại trả sau là 0978.680.600; 0919.680.600 và luôn mang theo người.

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được đủ căn cứ xác định 02 số thuê bao trả trước (0964.092.417; 0964.126.417) đều được kích hoạt ngày 27-10-2017, đăng ký thông tin thuê bao mang tên Phùng Thị B23, sinh năm 1988, trú tại Bản B24, xã B25, huyện B, tỉnh Cao Bằng, bà B23 khai không được đăng ký và sử dụng hai số thuê bao trên. Xác minh tại cửa hàng Viettel chi nhánh huyện B thì Ngô Mạnh A2 sinh năm 1986, Hoàng Thị B8 sinh năm 1992 xác định hai số thuê bao trên là của Hoàng Minh A đăng ký thuê bao trả trước nhưng dùng thông tin của bà Phùng Thị B23. Khi A chọn sim trong kho số của Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội chi nhánh huyện B, A nói quên mang theo giấy chứng minh nhân dân, A hẹn cuối buổi chiều sẽ đến thay đổi lại thông tin cho chính chủ, vì nhà A gần cửa hàng và là khách hàng tiềm năng, A cũng đang sử dụng hai số thuê bao trả sau (0978.680.600; 0868.680.600) nên A2 đã chỉ đạo B8 chọn ngẫu nhiên trên hệ thống Viettel số giấy chứng minh nhân dân của bà Phùng Thị B23 để làm thủ tục kích hoạt cho A, nhưng từ đó đến nay A không đến để thay đổi lại thông tin. Cơ quan điều tra đã cho Ngô Mạnh A2, Hoàng Thị B8 và Hoàng Trung

A1 nhận dạng Hoàng Minh A, cả ba người đều nhận dạng được Hoàng Minh A là người sử dụng số điện thoại 0964.126.417, còn A1 xác nhận A đã sử dụng số điện thoại này gọi cho A1 để giao dịch mua bán ma túy.

Báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của thuê bao 0964.126.417 và 0978.680.600 từ ngày 01-12-2017 đến 09 giờ 30 phút ngày 22-12-2017 (thời điểm A1 bị bắt quả tang khi đang mang Heroine đi giao cho người Trung Quốc) thì quá trình di chuyển, thời gian phát sinh cuộc gọi ở các vị trí cột phát sóng luôn trùng khớp nhau thể hiện hai số điện thoại này do cùng một người sử dụng.

Tại Bản hình sự sơ thẩm số: 47/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã tuyên bố: Bị cáo Hoàng Minh A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Hoàng Minh A tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 05/10/2020 bị cáo Hoàng Minh A có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như sau: Bị cáo khẳng định không tham gia mua bán ma túy với Hoàng Trung A1; cấp sơ thẩm đã kết án oan đối với bị cáo. Do bị cáo nợ nần nhiều nên bị cáo đã lánh sang Trung Quốc để làm ăn một thời gian, quá trình ở Trung Quốc thông qua một số người bạn bị cáo biết được A1 bị bắt về tội ma túy và khám xét nhà của bị cáo có xái thuốc phiện, nên bị cáo sợ liên lụy bị cáo đã nhờ người xem bản án đã xử đối với A1 để nắm được thông tin.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Cấp sơ thẩm xét xử, quy kết đối với các bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có căn cứ, không oan; với mức hình phạt như bản án sơ thẩm đối với bị cáo là phù hợp. Vì cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:

- *Luật sư Nguyễn Quang B5 trình bày:* Sau khi Luật sư tự đi xác minh, thu thập chứng cứ thì Luật sư có niềm tin là bị cáo Hoàng Minh A không phạm tội. Các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đang căn cứ vào hành vi phạm tội của Hoàng Trung A1, kết quả xác minh 02 số điện thoại mà A đã đăng ký để quy kết bị cáo. Tuy nhiên, sự liên kết giữa số điện thoại của A với A1, với người Trung Quốc; việc A trốn sang Trung Quốc; lời khai của Hoàng Trung A1 trong quá trình điều tra chưa được đối chứng.

Quan điểm của Luật sư là không có chứng cứ trực tiếp nào ngoài lời khai, có nhiều mâu thuẫn của Hoàng Trung A1; còn lại là những chứng cứ gián tiếp

do suy đoán, như: Số điện thoại, bị cáo A trốn khỏi nơi cư trú, A nhờ chạy án thông qua B14 và B4 (là vợ A) mà thực chất là nhờ tìm cách minh oan cho bị cáo.

Cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, như: Không xác minh triệt để các số điện thoại của Hoàng Trung A1, mặc dù đã có Công văn yêu cầu cơ quan viễn thông cung cấp thông tin 02 số điện thoại của A1, nhưng khi cơ quan viễn thông đã không cung cấp được, Cơ quan Điều tra cũng không có ý kiến gì; không tiến hành đối chất khi có các lời khai mâu thuẫn nhau (giữa A và A1), cũng như (giữa A1 và B26); Cơ quan Điều tra đã không thực nghiệm điều tra quảng đường đi, địa điểm giao nhận ma túy của A1; Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận đơn tự nguyện thay đổi lời khai của A1 tại phiên tòa sơ thẩm xét xử bị cáo A là chưa phù hợp.

Không có căn cứ buộc tội đối với Hoàng Minh A: Việc 02 số điện thoại 0964.126.417 và 0964.092.417 là do bị cáo A mua, nhưng sử dụng thông tin của người khác là do sau khi mua sim phải kích hoạt ngay, nếu không sẽ bị người khác lấy mất, việc này đã được nhân viên Viettel xác nhận là đã lấy thông tin ngẫu nhiên trên hệ thống, sau khi kích hoạt A đã cho người khác sử dụng nhưng không khẳng định được ai; nếu bị cáo có ý định dùng điện thoại liên lạc để phục vụ việc mua bán ma túy thì có thể sử dụng sim rác sau đó vứt đi; Cơ quan Điều tra cho rằng 02 số điện thoại 0964.126.417 và 0964.092.417 luôn cùng cột sóng với số điện thoại của A dùng, nên A là người sử dụng 02 số điện thoại này là không đúng, vì trong phạm vi 02km thì đều cùng cột sóng, bị cáo khẳng định mua 02 số điện thoại này cho người Trung Quốc dùng, nên người Trung Quốc rất có thể sử dụng trong phạm vi bán kính 02km cùng với A nên cùng cột sóng là bình thường; theo A1 khai thì A cho A1 số điện thoại người Trung Quốc để liên lạc giao ma túy nhưng không có căn cứ chứng minh, trong ngày 21/12/2017 máy điện thoại của A1 có 16 cuộc điện thoại thì có 11 cuộc liên lạc giữa số điện thoại của A và A1, việc liên lạc này không thể hiện nội dung nào về việc trao đổi mua bán ma túy, giữa bị cáo A và A1 là bạn hàng nên việc liên lạc với nhau là bình thường. Cơ quan Điều tra cho rằng A dùng 02 số điện thoại này để liên lạc, giao dịch mua bán ma túy là không có cơ sở.

Việc bị cáo sang Trung Quốc không phải bỏ trốn mà bị cáo đi trốn nợ, do bị cáo nợ nần nhiều việc này đã được chứng minh; việc bị cáo liên lạc với nhiều người nhờ lấy cáo trạng, bản án của A1 và nhờ chạy án cho mình không phải là căn cứ kết tội; Hoàng Trung A1 khai sau khi lấy ma túy đã giấu ở ven đường là không phù hợp bởi ma túy có giá trị rất lớn; lộ trình A1 đi giao ma túy như A1 khai không phù hợp bởi phải đi quảng đường dài hơn, qua chợ là nơi rất đông người, lại quan Đồn biên phòng nên sẽ rất nguy hiểm; tại phiên tòa A1 đã khai báo thành khẩn là nhận ma túy từ B26 để đi giao cho người Trung Quốc, lời khai của A1 tại phiên tòa là thật vì phù hợp với danh bạ điện thoại có liên lạc giữa A1 và B26.

Việc xác định khối lượng chất ma túy chưa đúng, vì căn cứ vào Công văn 234, Thông tư 17 thì phải trưng cầu giám định hàm lượng, khối lượng chất ma túy.

Từ phân tích trên, Luật sư Nguyễn Quang B5 cho rằng việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Minh A là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 13, Điều 328, 338 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố bị cáo Hoàng Minh A không phạm tội và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa; hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử sơ thẩm lại.

Luật sư Trần Ngọc B6 trình bày: Đồng tình với quan điểm của Luật sư Nguyễn Quang B5, căn cứ để buộc tội bị cáo Hoàng Minh A chưa rõ ràng, chỉ căn cứ vào lời khai của Hoàng Trung A1, nhưng nay A1 đã thay đổi lời khai và phù hợp với lời khai ban đầu khi bắt giữ Hoàng Trung A1; chưa xác định được nguồn gốc số ma túy do đâu mà có; một số chứng cứ khác chưa được điều tra, làm rõ, như: Các số điện thoại, các cuộc gọi điện thoại với nhau...Do đó, Luật sư Trần Ngọc B6 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết khách quan, đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên Tòa bị cáo Hoàng Minh A không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết; người làm chứng là Hoàng Trung A1 thay đổi lời khai so với lời khai trong quá trình điều tra là A1 không phải nhận ma túy từ A để đem đến giao cho một người Trung Quốc, mà nhận ma túy từ Triệu Văn B26. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Hoàng Trung A1 trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa xét xử đối với Hoàng Trung A1 đều thể hiện: Hoàng Minh A là người bảo A1 đưa ma túy đến giao bán cho người Trung Quốc và hứa trả tiền công 2.000.000/1 bánh ma túy. Cụ thể: Sáng ngày 21/12/2017 khi A1 đang ở cửa khẩu Lý Vạn thì Hoàng Minh A gọi điện bảo A1 đến gặp để nhận ma túy để đi giao bán cho người Trung Quốc; A1 đồng ý và đi xe máy đến B21, xã B22, huyện B thì gặp A trên đường đi; khi gặp nhau, A đưa cho A1 01 túi nilon màu đen và dặn khi nào có người Trung Quốc gọi điện bảo đem đến mốc nào thì đem đến mốc đó cho họ; A1 nhận túi nilon đựng heroin rồi quay về hướng cửa khẩu Lý Vạn, trên đường đi đến địa phận bản B27, xã B20 A1 mở ra xem thấy bên trong có 04 bánh Heroin, sau đó đem túi nilon giấu vào bụi cây bên tả ly dương và đi về làng thanh niên lập nghiệp ở xã B20. Sáng ngày 22/12/2017 có người Trung Quốc gọi điện bảo đem túi Heroin đến mốc 46 giao cho họ, Hoàng Trung A1 đã lấy xe máy đến chỗ giấu ma túy lấy ma túy cho vào cốp xe và mang đi đến mốc 46, trên đường đi thì bị bắt giữ. Lời khai này của Hoàng Trung A1 phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập hồi 9 giờ 55 phút ngày 22/12/2017 thể hiện thu giữ trong cốp xe máy 01 túi nilon màu đen, bên trong chứa 04 khối hình hộp chữ nhật chất bột màu trắng. Lời khai của Hoàng Trung A1 đã được thẩm tra, đối chứng công khai tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/11/2018; từ đó Hoàng Trung A1 đã bị kết án với mức hình phạt tù chung

thân về tội “mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 61/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật và tại phiên tòa hôm nay Hoàng Trung A1 vẫn khẳng định bản án số 61/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng kết án đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi phục hồi điều tra đối với bị cáo Hoàng Minh A, Hoàng Trung A1 vẫn giữ nguyên lời khai khẳng định Hoàng Minh A là người thuê A1 vận chuyển ma túy và cho rằng quá trình điều tra không bị ép cung, nhục hình cũng như không có bất kỳ khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó, việc thay đổi lời khai của Hoàng Trung A1 tại giai đoạn xét xử đối với bị cáo A vì cho rằng quá trình điều tra A1 bị mớm cung, ép cung là không có căn cứ để chấp nhận. Đặc biệt, căn cứ kết quả khai thác dữ liệu chiếc điện thoại OPPO của bị cáo (do Công an Trung Quốc thu giữ khi bắt bị cáo và bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Cao Bằng) phát hiện trong thời gian bị cáo ở Trung Quốc đã thông tin liên lạc, trao đổi với nhiều người ở Việt Nam qua mạng xã hội như anh Chu Hoàng B14 (là anh rể bị cáo); Triệu Văn B16; Thẩm Hà B11 với nội dung nhờ xem Kết luận điều tra vụ án, Cáo trạng, Bản án của Hoàng Trung A1. Thậm chí có cả nội dung nhờ chạy án cho bị cáo, cụ thể trong quá trình điều tra Chu Hoàng B14 khai: “Ngoài nhờ tôi xem bản án của A1 để biết A1 khai gì về A, A có nói với tôi là A và A1 có liên quan đến vụ án A1 bị bắt; A nhờ tôi giúp chạy án cho A để A được về nhà...”. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra đã cho Chu Hoàng B14 xem các tin nhắn văn bản và dịch ra in thành văn bản các cuộc nói chuyện, Chu Hoàng B14 khẳng định nội dung các tin nhắn là đúng. Triệu Văn B16 khai: “Tôi chỉ nói chuyện với thông qua wetchat bằng cách ghi âm giọng nói và sau đó gửi đi, hay còn gọi là tin nhắn thoại vì tôi không biết đọc chữ; trong cuộc nói chuyện A có nhờ tôi chạy án, A hỏi nhiều lần nên tôi nói dối đợi hỏi họ xem thế nào, có lần tôi nói dối A là mất 10 tỷ để A không có tiền chạy án và đỡ phải làm phiền tôi nhiều...”; Thẩm Hà B11 khai: “A nhờ xem có quen ai ở đội điều tra thì nhờ lấy bản án của A1...”. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả điều tra về các số điện thoại do A sử dụng, hoặc A đăng ký và số điện thoại của Hoàng Trung A1 sử dụng trong thời gian thực hiện giao dịch mua bán ma túy thì lịch sử các cuộc gọi, vị trí cột sóng, thời gian sử dụng phù hợp với lời khai của Hoàng Trung A1. Như vậy, từ lời khai của Hoàng Trung A1, bản án số 61/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng kết án đối với Hoàng Trung A1, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để kết luận: Ngày 21/12/2017, Hoàng Minh A đã giao cho Hoàng Trung A1 01 túi nilon, trong chứa 04 bánh Heroin yêu cầu A1 khi có người Trung Quốc gọi điện hẹn địa điểm giao ma túy ở đâu thì giao cho họ, ngày 22/12/2017 Hoàng Trung A1 đang trên đường mang 04 bánh ma túy đi giao cho người Trung Quốc thì bị bắt quả tang người cùng tang vật, bị cáo Hoàng Minh A sau khi biết A1 bị bắt đã bỏ trốn sang Trung Quốc và đến ngày 29/10/2019 Công an Trung Quốc đã bàn giao A cho Công an tỉnh Cao Bằng theo lệnh truy nã quốc tế. Hành vi đó của bị cáo Hoàng Minh A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” cấp sơ thẩm đã quy kết, xét xử bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng chưa đủ căn cứ kết tội bị cáo, cũng như cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, nó không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây nguy hại lớn cho xã hội và con người; ma túy là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do bị cáo phạm tội từ năm 2017, tại thời điểm này Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật và khung hình phạt của tội này được quy định tại khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và khung hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt như nhau, với khối lượng Heroin bị cáo mua bán khi bị bắt quả tang, nên cấp sơ thẩm quy kết, xét xử bị cáo theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy: Như đã phân tích ở trên thì bị cáo không bị oan; khi xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng xử phạt bị cáo với mức án tù chung thân là đã có phần nương nhẹ; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới đáng kể làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giảm hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Minh A; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng; áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo Hoàng Minh A tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 29/10/2019).

Về án phí: Bị cáo Hoàng Minh A phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 47/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Toà án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thái Duy Nhiệm